

Số: 237/QĐ-SNV

Hải Dương, ngày 31 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập năm 2023**

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 04/1/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Nội vụ;


Thực hiện Kế hoạch số 3331/KH-UBND ngày 07/9/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập năm 2023.

Theo đề nghị của UBND thị xã Kinh Môn tại Công văn số 1179/UBND-NV ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thị xã Kinh Môn năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bỏ nhiệm và xếp lương viên chức giảng dạy trong 24 trường tiểu học công lập thuộc UBND thị xã Kinh Môn vào chức danh nghề nghiệp Giáo viên Tiểu học hạng II (V.07.03.28) và được hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới kể từ ngày 01/11/2023.

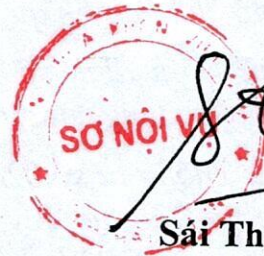
(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Kinh Môn; Hiệu trưởng các trường tiểu học công lập thuộc UBND thị xã Kinh Môn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Phòng Nội vụ - UBND thị xã Kinh Môn;
- Lưu: VT, CCVC.

GIÁM ĐỐC



Sái Thị Yên

DANH SÁCH VIÊN CHỨC BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG II (V.07.03.28)
(Theo Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 và Thông tư 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Khởi Tiểu học: Trường Tiểu học Minh Hoà

(Kèm theo Quyết định số 238/QĐ-SNV ngày 31/10/2023 của Sở Nội vụ)

STT	Họ và tên CBQL, GV	Đơn vị	Chức vụ hiện tại	Trình độ, chuyên ngành đào tạo hiện tại		Chức danh nghề nghiệp (CDNN) và lương hiện hưởng										Bổ nhiệm CDNN và xếp lương theo Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư 08/2023/TT-BGDĐT				
				Trình độ chuyên môn nhất	Chuyên ngành đào tạo	Mã số	Tổng thời gian giữ hàng CDNN hiện tại và tương đương	Viên chức loại	Bậc lương	Hệ số lương hiện hưởng	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Tổng hệ số lương hiện hưởng	Thời điểm nâng lương lần sau	Hạng chức danh nghề nghiệp GV	Mã số	Hệ số lương được chuyển xếp			Thời gian hưởng lương ở hàng CDNN mới	Thời gian tính năng bậc lương lần sau
																Viên chức loại	Bậc lương	Hệ số lương		
1	Nguyễn Văn Quân	TH Minh Hòa	Hiệu trưởng	ĐH	GDTH	V.07.03.07	15 năm 5 tháng	A1	9	4.98	6%	5,28	01/4/2023	GVTH Hạng II	V.07.03.28	A2.2	5	5.36	01/11/2023	01/1/2023
2	Nguyễn Thị Ngân	TH Minh Hòa	Phó Hiệu trưởng	ĐH	GDTH	V.07.03.07	18 năm 01 tháng	A1	8	4.65			01/3/2021	GVTH Hạng II	V.07.03.28	A2.2	3	4.68	01/11/2023	01/3/2021
3	Nguyễn Văn Độ	TH Minh Hòa	Giáo viên	ĐH	GDTH	V.07.03.07	15 năm 5 tháng	A1	9	4.98			01/4/2023	GVTH Hạng II	V.07.03.28	A2.2	4	5.02	01/11/2023	01/4/2023
4	Trương Thị Hằng	TH Minh Hòa	Giáo viên	ĐH	GDTH	V.07.03.07	11 năm 02 tháng	A1	7	4.32			01/7/2021	GVTH Hạng II	V.07.03.28	A2.2	2	4.34	01/11/2023	01/7/2021
5	Nguyễn Thị Phương	TH Minh Hòa	Giáo viên	ĐH	GDTH	V.07.03.07	11 năm 02 tháng	A1	5	3.66			01/01/2021	GVTH Hạng II	V.07.03.28	A2.2	1	4.00	01/11/2023	01/11/2023
6	Nguyễn Thị Minh Đức	TH Minh Hòa	Giáo viên	ĐH	GDTH	V.07.03.07	12 năm 01 tháng	A1	6	3.99			01/02/2023	GVTH Hạng II	V.07.03.28	A2.2	1	4.00	01/11/2023	01/02/2023
7	Hoàng Thị Bưởi	TH Minh Hòa	Giáo viên	ĐH	SP GDTC	V.07.03.07	11 năm 9 tháng	A1	6	3.99			01/3/2022	GVTH Hạng II	V.07.03.28	A2.2	1	4.00	01/11/2023	01/3/2022
8	Nguyễn Thị Toán	TH Minh Hòa	Giáo viên	ĐH	GDTH	V.07.03.07	9 năm 8 tháng	A1	5	3.66			01/01/2021	GVTH Hạng II	V.07.03.28	A2.2	1	4.00	01/11/2023	01/11/2023
9	Mạc Thị Yên	TH Minh Hòa	Giáo viên	ĐH	GDTH	V.07.03.07	10 năm	A1	6	3.99			01/9/2023	GVTH Hạng II	V.07.03.28	A2.2	1	4.00	01/11/2023	01/9/2023
10	Tô Thanh Thảo	TH Minh Hòa	Giáo viên	ĐH	GDTH	V.07.03.07	10 năm	A1	6	3.99			01/9/2023	GVTH Hạng II	V.07.03.28	A2.2	1	4.00	01/11/2023	01/9/2023